

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3672/2006/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 29 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**V/v quy định tỷ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thời kỳ năm 2007 - 2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật NSNN số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 14/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2006; Quyết định số 3771/QĐ-BTC ngày 16/11/2006 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi NSNN năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương, tỷ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách thời kỳ năm 2007 - 2010;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tỷ lệ (%) phân chia các nguồn giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thời kỳ năm 2007 - 2010 như phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2007

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (Đã ký)

**TỶ LỆ (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ THỜI KỲ NĂM 2007 – 2010**

Ban hành kèm theo Quyết định số 3672/2006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006

T T	Nội dung	Thành phố Việt Trì				Thị xã Phú Thọ				10 huyện còn lại ⁽¹⁾			
		NS cấp tỉnh	NS thành phố	NS xã, phường		NS cấp tỉnh	NS thị xã	NS xã, phường		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, TT	
				NS phường	NS xã			NS phường	NS xã			NS thị trấn	NS xã
1	Thu từ các DN TW quản lý	100				100				100			
	Thuế GTGT	100				100				100			
	Thuế TNDN	100				100				100			
	Thu sử dụng vốn NS (tồn đọng)	100				100				100			
	Thuế tài nguyên	100				100				100			
	Thu khác	100				100				100			
2	Thu từ các DN địa phương và các DN cổ phần hoá có vốn Nhà nước	100				100				100			
	Thuế GTGT	100				100				100			
	Thuế TNDN	100				100				100			
	Thu sử dụng vốn NS (tồn đọng)	100				100				100			
	Thuế tài nguyên	100				100				100			
	Thu khác	100				100				100			
3	Thu từ các DN có vốn đầu tư NN	100				100				100			
	Thuế GTGT	100				100				100			
	Thuế TNDN	100				100				100			
	Thuế môn bài	100				100				100			
	Tiền thuê đất	100				100				100			
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh												
a/	Thu từ các DN ngoài QĐ												
	Thuế GTGT	50	50			100				100			
	Thuế TNDN	50	50			100				100			
	Thuế TTĐB	50	50			100				100			
	Thuế môn bài	50	50			100				100			
	Thu khác	50	50			100				100			
b/	Thu từ hộ kinh doanh cá thể (bao gồm: Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TTĐB, môn bài và thu khác)												
	Đối với các phường: Tiên Cát, Gia Cẩm, Nông Trang (TP. Việt Trì)		95	5		95	5						
	Đối với các phường còn lại của TP. Việt Trì và TX Phú Thọ; xã Vân Phú (TP. Việt Trì), xã Hoàng xá (huyện Thanh Thuỷ) và các thị trấn của các huyện (không bao gồm: TT Hưng Hoá – h. Tam Nông, TT Sông Thao-h.Cẩm Khê, TT Yên Lập – H. Yên Lập)		90	10	10	90	10	10		90	10	10	
	Các xã, thị trấn còn lại		30		70	30		70		30	70	70	
5	Thuế tài nguyên		70	30	30	70	30	30		70	30	30	
6	Lệ phí trước bạ												
	Đối với ô tô, tàu thuyền, xe máy	100				100				100			
	Đối với nhà đất												
	Trong đó: Phường		80	20		80	20						
	Xã, thị trấn		30		70	30		70		30	70	70	
7	Thuế nhà đất												
	Đối với phường		70	30		70	30						
	Đối với xã, thị trấn		30		70	30		70		30	70	70	

T T	Nội dung	Thành phố Việt Trì				Thị xã Phú Thọ				10 huyện còn lại ⁽¹⁾			
		NS cấp tỉnh	NS thành phố	NS xã, phường		NS cấp tỉnh	NS thị xã	NS xã, phường		NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, TT	
				NS phường	NS xã			NS phường	NS xã			NS thị trần	NS xã
8	Thuế thu nhập cá nhân	100				100				100			
9	Thu xô số kiến thiết	100				100				100			
10	Thu tiền sử dụng đất												
	Đối với phường		90	10		90	10						
	Đối với xã		80	20		80	20		20	30		50	
	Đối với thị trấn								20	50	30		
	Riêng tiền đầu giá đất do Trung tâm phát triển quỹ đất, các dự án, công trình trọng điểm do tỉnh tập trung quản lý thu	100				100				100			
11	Thuế chuyển quyền SD đất												
	Đối với phường		90	10		90	10						
	Đối với xã, thị trấn		30		70	30		70		30	70	70	
12	Thu tiền thuê đất												
	Đối với các DN có vốn đầu tư nước ngoài	100				100				100			
	Đối với các đối tượng còn lại	50	50			30	70		30	70			
13	Thuế SD đất NN		30	70	70	30	70	70		30	70	70	
14	Thu phí và lệ phí												
	Phí và lệ phí tỉnh	100				100				100			
	Phí và lệ phí huyện		100				100				100		
	Phí và lệ phí xã, phường, thị trấn												
	Trong đó:												
	Các phường và xã Hoàng Xá – huyện Thanh Thủy		30	70		30	70				30		70
	Các thị trấn									20	80		
	Các xã khác còn lại				100			100					100
15	Thu phí xăng dầu	100				100				100			
16	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản ... tại xã			100	100			100	100			100	100
17	Thu khác ngân sách (NS cấp nào thu NS cấp đó hưởng 100%)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	Bao gồm:												
	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức cá nhân nước ngoài												
	Huy động, đóng góp của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước												
	Thu sự nghiệp của các đơn vị												
	Thu nhượng bán, thanh lý tài sản ở các đơn vị HCSN												
	Thu tịch thu (bằng tiền, hiện vật quy tiền và các khoản tịch thu khác)												
	Thu tiền phạt các loại (trừ tiền phạt hải quan thu và phạt hành chính về thuế)												
	Thu hồi các khoản chi năm trước												
	Các khoản thu còn lại theo quy định của pháp luật.												

Ghi chú:

(1): 10 huyện còn lại bào gồm: Đoan Hùng, Phù Ninh, Lâm Thao, Thanh Ba, Hạ Hoà, Tam Nông, Thanh Thủy, Cẩm Khê, Yên Lập, Thanh Sơn.